

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 9 năm 2022

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huế, Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2022/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị D, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn Câu Hạ, xã Quang T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Bị đơn:** Anh Đặng Văn T, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Số nhà 04, ngõ 13, đường L, tổ 07, phường P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh T lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị D trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 22/3/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu rồi đánh đập chị và con riêng của chị, sau đó anh T còn vướng vào nghiện ngập ma túy nên vợ chồng thường xảy ra đánh cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ tháng 7 năm 2021 chị đã mang con đi chỗ khác sống ly thân với anh T. Từ khi ly thân đến nay anh chị không liên hệ với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: Chị và anh Đặng Văn T có một con chung là Đặng Thị H, sinh ngày 16/10/2018, hiện con đang ở cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đặng Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để giải quyết việc chị D có đơn xin ly hôn anh. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh T nhưng không ghi được lời khai của anh T.

Kết quả xác minh tại nơi cư trú của anh Đặng Văn T tại tổ 7, phường P, thành phố Thái Bình, ông Nguyễn Văn T1 tổ trưởng dân phố cung cấp: Anh Đặng Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 7, phường P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và ở cùng địa chỉ với ông. Các thông báo của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình gửi đến ông đã chuyển cho anh T và thông báo cho anh T đến Tòa án để làm việc nhưng anh T có đến hay không thì ông không biết. Anh T và chị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình năm 2019. Sau khi kết hôn, anh chị đi làm ăn tại huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, địa chỉ cụ thể ông không rõ. Trong quá trình chung sống, anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T vướng vào tệ nạn xã hội dẫn đến vợ chồng đánh, cãi nhau. Anh chị có một con chung là Đặng Thị H, sinh ngày 16/10/2018, hiện cháu H ở cùng chị D. Về tài sản của anh chị có những gì, có nợ ai hay có cho ai vay nợ không thì ông không biết. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án là tự từ bỏ quyền của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Đặng Văn T. Về nuôi con chung: áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Đặng Thị H cho chị D trực tiếp dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng cho con, không giải quyết về tài sản trong vụ án này. Về án phí: áp dụng Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Đặng Văn T kết hôn tự nguyện, khi kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 22/3/2019 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T vướng vào tệ nạn xã hội, không chịu làm ăn, có hành vi bạo hành chị D và con riêng của chị. Anh T không có ý kiến trình bày nhưng việc anh chị có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng hiện tại đang sống ly thân là có thật. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã ở mức trầm trọng, đời sống chung trên thực tế đã không còn tồn tại, nên áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị D ly hôn anh Đặng Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị D và anh Đặng Văn T có một con chung là Đặng Thị H, sinh ngày 16/10/2018, hiện con H đang ở cùng chị D. Xét con chung của anh chị còn nhỏ tuổi, chị D đang là người trực tiếp chăm sóc, bản thân chị D có việc làm, có thu nhập để đảm bảo cuộc sống của con chung, nên giao

con chung cho chị D nuôi dưỡng như nguyện vọng của chị là phù hợp với thực tế. Do chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về chia tài sản chung vợ chồng: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng, anh T không có ý kiến trình bày nên không xem xét giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này. Chị D, anh T có quyền khởi kiện việc giải quyết chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị D ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Đặng Thị H, sinh ngày 16/10/2018 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng cho con. Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được ở với người trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị D, anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000663 ngày 16 tháng 6 năm 2022, sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đặng Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hay được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- UBND phường P, Tp Thái Bình (Số 41/22.3.2019)
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hiền